

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 07/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Cạnh tranh;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2015.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng Cạnh tranh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY CHẾ**

Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2015/QĐ-TTg
ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng Cạnh tranh, Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN
CỦA HỘI ĐỒNG CẠNH TRANH**Điều 3. Tổ chức của Hội đồng Cạnh tranh**

1. Hội đồng Cạnh tranh được tổ chức theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 07/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Cạnh tranh.

2. Thành viên Hội đồng Cạnh tranh làm việc kiêm nhiệm hoặc chuyên trách theo quyết định bổ nhiệm của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hội đồng Cạnh tranh có không quá ba Phó Chủ tịch.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng Cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

2. Phân công nhiệm vụ cho các Phó Chủ tịch, các Ủy viên Hội đồng Cạnh tranh và phê duyệt chương trình công tác hàng năm của Hội đồng Cạnh tranh.

3. Quyết định thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh để xử lý các vụ việc cạnh tranh cụ thể.

4. Quyết định thay đổi Chủ tọa Phiên điều trần, các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc, Thư ký Phiên điều trần, người giám định, người phiên dịch theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn hành chính theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh.

7. Cử đại diện của Hội đồng Cạnh tranh tham gia tổ tụng hành chính liên quan đến quyết định giải quyết khiếu nại của Hội đồng Cạnh tranh.

8. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chế độ làm việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm các thành viên Hội đồng Cạnh tranh.

9. Giải quyết các vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa các Phó Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh

1. Các Phó Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh giúp Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh phụ trách lĩnh vực cụ thể theo phân công của Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Tổ chức các công việc trong lĩnh vực được phân công; báo cáo Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh các nội dung công tác trong lĩnh vực được phân công;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh chủ động giải quyết công việc được phân công, phối hợp với Phó Chủ tịch khác để giải quyết vấn đề liên quan đến Phó Chủ tịch đó; kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh những vấn đề quan trọng hoặc những vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các Phó Chủ tịch;

c) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Hội đồng Cạnh tranh

1. Thực hiện các công việc cụ thể theo phân công của Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh.

2. Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng Cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh. Trường hợp vắng mặt phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh bằng văn bản.

3. Tham gia Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, tham gia tổ tụng hành chính theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG CẠNH TRANH

Mục 1

TỔ CHỨC XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH

Điều 7. Tiếp nhận và bảo quản báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh

1. Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh trong thời hạn chậm nhất là 5 (năm) ngày làm việc.

2. Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh có trách nhiệm bảo quản và lưu trữ báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh

1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh ban hành Quyết định về việc thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh gồm ít nhất năm thành viên của Hội đồng Cạnh tranh, trong đó có một thành viên làm Chủ tọa Phiên điều trần để giải quyết một vụ việc cạnh tranh cụ thể.

2. Quyết định về việc thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh bao gồm một số nội dung chính sau đây:

a) Thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh gồm Chủ tọa Phiên điều trần và các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh;

b) Thành viên tham dự;

c) Thư ký Phiên điều trần.

3. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh có trách nhiệm chuyển báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh cho Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, thành viên tham dự và Thư ký Phiên điều trần.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, thành viên tham dự và Thư ký Phiên điều trần

1. Chủ tọa Phiên điều trần thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 81 Luật Cạnh tranh.

2. Thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu vụ việc hạn chế cạnh tranh.

3. Thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm từ chối tiến hành tổ tụng cạnh tranh nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 83 Luật Cạnh tranh; tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và tham dự các Phiên điều trần từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc.

4. Thành viên tham dự có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

5. Thành viên tham dự có trách nhiệm thay thế thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh trong trường hợp quy định tại Điều 102 Nghị định số 116/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh.

6. Thư ký Phiên điều trần có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 82 Luật Cạnh tranh.

Điều 10. Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh

1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh, Chủ tọa Phiên điều trần có trách nhiệm triệu tập cuộc họp toàn thể Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh để thảo luận về nội dung của báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh không tham dự cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc thì có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản tới Chủ tọa Phiên điều trần trước cuộc họp. Ý kiến của thành viên vắng mặt phải được đọc tại cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh.

3. Nội dung kết quả cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh phải được ghi thành biên bản của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh. Thư ký Phiên điều trần có trách nhiệm ghi biên bản.

Điều 11. Quyết định giải quyết vụ việc cạnh tranh

1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh ban hành một trong các quyết định quy định tại Khoản 2 Điều 99 Luật Cạnh tranh.

2. Quyết định giải quyết vụ việc cạnh tranh được thực hiện dựa trên kết quả biểu quyết của tất cả thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh theo nguyên tắc đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định theo phía có ý kiến của Chủ tọa Phiên điều trần.

3. Kết quả biểu quyết của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến biểu quyết của từng thành viên.

Điều 12. Tổ chức Phiên điều trần

1. Phiên điều trần được tổ chức trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày có quyết định mở Phiên điều trần. Quyết định mở Phiên điều trần phải được gửi đến các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, thành viên tham dự, Thư ký Phiên điều trần và các bên liên quan chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày diễn ra Phiên điều trần. Quyết định mở Phiên điều trần phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 102 Luật Cạnh tranh.

2. Trình tự, nội dung Phiên điều trần được thực hiện theo quy định tại Điều 104 Luật Cạnh tranh và Mục 8 Chương III Nghị định số 116/2005/NĐ-CP.

Điều 13. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh

1. Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh ban hành Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh trên cơ sở thảo luận kín và bỏ phiếu theo nguyên tắc đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định theo phía có ý kiến của Chủ tọa Phiên điều trần.

2. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh được tuyên bố tại Phiên điều trần, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 129 Nghị định số 116/2005/NĐ-CP.